

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1251/2026/HS-ST

Ngày: 21/8/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Văn Hùng
- Bà Đỗ Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 934/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1276/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Trương Quốc H, sinh năm 2001; giới tính: Nam; nơi sinh: tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk); nơi thường trú: thôn P, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (nay là xã X, tỉnh Đắk Lắk); nơi ở hiện tại: thôn P, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (nay là xã X, tỉnh Đắk Lắk); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: công nhân; con ông Trương Minh T và bà Nguyễn Thị Thúy H1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 17/3/2025 (có mặt).

2. Trần Thanh D, sinh năm 1999; giới tính: Nam; nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 20 Đường H, Khu phố I, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện nay: 847/14 N, Khu phố C, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: công nhân; con ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị Khánh P; vợ Lê Trần Ngọc O, bị cáo chưa có con; tiền án: không; tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 08/5/2025, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H bắt tạm giam về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngày 03/8/2026, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Bản án số 1111/2026/HS-ST.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 08/5/2025 (có mặt).

3. Phạm Vi A (tên gọi khác: D1), sinh năm 1994; giới tính: Nam; nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: C N, Khu phố D, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện nay: không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn T2 và bà Phạm Thị Kim S; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 02/3/2017, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 01 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo bản án số 74/2017/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/8/2017, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 04/8/2017;

- Ngày 15/7/2020, Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc;

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 21/5/2026 (có mặt).

4. Nguyễn Lê Quốc B, sinh năm 1998; giới tính: Nam; nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 13 Đường A, Khu phố D, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: G Đường số B, khu phố P, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Thanh T3 và bà Lê Ánh N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 21/5/2026 (có mặt).

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Đức H2, sinh năm 1999

Địa chỉ: số F đường L, khu phố P, phường T, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Vào khoảng 19 giờ ngày 02/10/2022, trong lúc H cùng với một số người đang nhậu tại phòng trọ số 5 của dãy trọ thì anh Nguyễn Đình H3 (sinh năm 1997) ở chung dãy nhà trọ đi tới nhắc H nói chuyện nhỏ tiếng thì giữa H và anh H3 xảy ra mâu thuẫn cãi nhau rồi cả hai dùng tay không đánh nhau qua lại. Sau đó có khoảng 06 người thanh niên ở bàn ghế đá trước cửa phòng trọ số 1 xông

tới, dùng tay không đánh H. Do bị đánh nên H bỏ chạy ra khỏi dãy nhà trọ và điện thoại cho Trần Thanh D (sinh năm 1999) nói “em bị đánh ở phòng trọ”, D hỏi H ở đâu thì H trả lời “em đang đứng gần nhà trọ, chạy thẳng vào là thấy”. Khoảng 10 phút sau, D điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Raider màu đỏ (không gắn biển số) chở theo 01 người bạn (không rõ lai lịch) đến vị trí công viên gần dãy nhà trọ để gặp H. Sau khi gặp H, H hỏi D “có đồ không?” thì D nói H lên xe về nhà D rồi tính. D chở H cùng người bạn đến vị trí quán cà phê đường số A, phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh để bạn của D đi về rồi cả hai tiếp tục điều khiển xe đến đầu đường số B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc này, D gọi điện thoại cho Nguyễn Lê Quốc B nói “có thằng em bị người làm chung công ty ở nhà trọ đánh, nhờ em đến giúp” (từ giúp trong câu nói này B hiểu là đến giúp D đánh trả nhóm đã đánh em của D), B đồng ý. Sau đó, D nói B đến nhà Phạm Vi A để lấy “hàng” (từ hàng có nghĩa là dao), B đồng ý. Sau đó, B gọi điện cho Vi A nói “cho em mượn cây hàng, thằng Duy dựng chuyện”, Vi A đồng ý và nói với B để Vi A đi cùng thì B nói Vi A ở nhà để B chạy đến. Khoảng 10 phút sau, B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đen (không nhớ biển số) đến nhà Vi A. Khi gặp B, Vi A hỏi “D gặp chuyện gì” thì B nói đợi D tới rồi nói. B nói Vi A lấy 02 con dao D gửi đưa cho B. Lúc này, Vi A và B cùng đi lên phòng ngủ của Vi A ở tầng 1, Vi A lấy 02 con dao để bên hông cửa ra vào và đưa cho B giữ. B cầm 02 con dao cùng Vi A đi xuống nhà. B đưa chìa khóa xe cho Vi A điều khiển xe chở B. Khi chuẩn bị đi, B nhận được cuộc gọi của D nói đến quán cà phê cuối đường 12 gặp nhau, B đồng ý và nói cho Vi A biết. Vi A điều khiển xe mô tô chở B. B để 02 con dao dọc thân người phía trước bụng, để bên trong áo khoác. Khi B và Vi A đến quán cà phê đường số A, phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh thì gặp D và H. Tại đây, D nói cho B và Vi A biết việc Hậu bị nhóm người trong dãy nhà trọ (nơi H thuê trọ sinh sống) đánh nên đi đến để đánh nhóm người này thì cả nhóm đồng ý.

Sau đó, B, Vi A, D và H đi ra lấy xe để đi đến dãy trọ thì B lấy trong người ra 02 con dao và đưa cho D nhưng do D phải điều khiển xe mô tô nên D nói B đưa con dao cho H giữ, còn B giữ con dao còn lại. D điều khiển xe mô tô chở H ngồi sau cầm 01 con dao, Vi A điều khiển xe mô tô chở B ngồi sau cầm 01 con dao và bắt đầu di chuyển đến dãy trọ. Trong lúc di chuyển D và H điều khiển xe đi trước, B và Vi A điều khiển xe theo sau. Khi đến cổng nhà trọ, D dừng xe, H bước xuống cầm theo dao đi vào bên trong thì thấy 01 nhóm người đang ngồi nói chuyện trên bàn ghế đá trước phòng trọ số 1. Thấy H cầm dao trên tay, nhóm người trên bỏ chạy. Lúc này, Vi A cũng dừng xe cạnh xe của D, B xuống xe, tay phải cầm dao trên xông vào nhóm người để đuổi chém nhưng do nhóm người này bỏ chạy vào bên trong phòng trọ nên B không chém trúng ai. Trong lúc đó, anh Nguyễn Đức H2 (sinh năm 1999), là em ruột của anh H3 đang đứng đối diện H nên H cầm dao tay phải chém 01 nhát từ phải qua trái hướng dao tầm ngang vai đi xuống, anh H2 giơ tay lên đỡ nên bị H chém trúng. Tiếp đó, H vung dao lên chém 01 nhát từ phải sang trái, hướng dao tầm ngang mạn sườn trở xuống và nhát chém trúng vào phần hông bên trái của anh H2 gây thương tích và

rơi con dao xuống đất. Lúc này, có 01 người đàn ông trong nhà trọ giữ lấy con dao nên B, Vi A và D giằng co và giật lấy con dao từ tay người đàn ông. B cầm trên tay 02 con dao và cùng với D, H, Vi A chạy ra vị trí để xe mô tô. B đưa cho H giữ 01 con dao, còn B giữ 01 con dao. Sau đó, D điều khiển xe chở H rời khỏi dãy nhà trọ, Vi A điều khiển xe chở B về nhà. Trên đường đi về B và H vút con dao vào bụi rậm ở khu công nghệ cao (không xác định được vị trí). Sau khi bị chém thương tích, anh H2 được mọi người đưa đi cấp cứu. Đến ngày 03/10/2022, anh Nguyễn Đức H2 có đơn yêu cầu xử lý hình sự và giám định thương tích.

Tại Cơ quan điều tra, Trương Quốc H, Nguyễn Thanh D2, Phạm Vi A và Nguyễn Lê Quốc B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. (BL: 34-35, 37, 63-72, 210-215, 233-241).

Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 1022/TgT.22 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Thành phố H, kết luận thương tích đối với anh Nguyễn Đức H2:

- Vết thương phần mềm vùng hông trái gây đứt da đã được điều trị khâu vết thương, hiện còn một sẹo kích thước 7,7 x 0,15cm, ổn định. Tỷ lệ 02%. Vết thương do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc tác động gây ra, không nguy hiểm đến tính mạng.

- Vết thương 1/3 dưới cẳng tay trái gây đứt da, đứt hoàn toàn bó mạch thần kinh trụ, đứt gân gấp nông, sâu ngón II đến V, đứt gân gấp tay trụ, gân duỗi cổ tay quay, gân duỗi các ngón II đến V, gân duỗi ngón I dài, gân duỗi riêng ngón II, gãy xương trụ, mẻ xương quay đã được điều trị mở rộng vết thương, khâu mạch máu, thần kinh, gân, kết hợp xương, hiện còn:

- + Một sẹo ngang kích thước 14,5 x (0,1 – 0,2) cm;
- + Một sẹo mỡ dọc kích thước 13,5 x (0,1 – 0,3) cm;
- + Hình ảnh gãy xương có dụng cụ kết hợp trên phim X;
- + Hình ảnh rách gân kèm phù nề mô mềm vùng sẹo, tổn thương thành động mạch trụ và thần kinh trụ, hẹp trung bình động mạch trụ trái trên siêu âm;
- + Tổn thương thần kinh trụ, thần kinh gian cốt sau ngay dưới vị trí vết thương trên điện cơ đồ;
- + Hạn chế vận động ngón IV, V, hạn chế dạng khép các ngón;
- + Hạn chế duỗi cổ tay và các ngón II đến V;
- + Tê mặt lòng bờ trụ bàn tay, ngón V, nửa trong ngón IV. Chi ấm, không loạn dưỡng da móng;

Vết thương do vật sắc, vật sắc nhọn tác động gây ra, gây nguy hiểm tính mạng. Tỷ lệ thương tật là 32% (Ba mươi hai phần trăm).

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với anh Nguyễn Đức H2 được cộng dồn theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 33%. (Bút lục 30-32).

Vật chứng vụ án:

- 02 con dao H và B sử dụng trong vụ án (không thu hồi được);

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình của bị cáo Trương Quốc H đã bồi thường cho anh H2 số tiền 70.000.000 đồng. Gia đình bị cáo Nguyễn Lê Quốc B bồi thường cho anh H2 số tiền 16.670.000 đồng. Anh H2 đã viết đơn bãi nại cho bị cáo H. Tại phiên tòa, anh H2 yêu cầu bị cáo Trần Thanh D và Phạm Vi A tiếp tục bồi thường cho anh H2 số tiền 33.000.000 đồng.

[2] Bản cáo trạng số 212A/CT-VKSKV2 ngày 03/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trương Quốc H, Trần Thanh D, Phạm Vi A và Nguyễn Lê Quốc B về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Trương Quốc H, Trần Thanh D, Phạm Vi A và Nguyễn Lê Quốc B phạm tội “Cố ý gây thương tích”; Áp dụng điểm c Khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của các bị cáo trong vụ án; đề nghị xử phạt bị cáo Trương Quốc H từ 07 năm đến 08 năm tù; các bị cáo Trần Thanh D, Phạm Vi A và Nguyễn Lê Quốc B mỗi bị cáo từ 06 năm đến 07 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình của bị cáo Trương Quốc H đã bồi thường cho anh H2 số tiền 70.000.000 đồng. Gia đình bị cáo Nguyễn Lê Quốc B bồi thường cho anh H2 số tiền 16.670.000 đồng. Anh H2 đã viết đơn bãi nại cho bị cáo H. Tại phiên tòa, anh H2 và bị cáo Trần Thanh D và Phạm Vi A đã thỏa thuận được với nhau về việc bị cáo D và bị cáo A đồng ý tiếp tục bồi thường cho anh H2 số tiền 33.000.000 đồng, chia phần cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 16.500.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Bị hại anh Nguyễn Đức H2 trình bày: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận nội dung vụ án đúng như sự việc xảy ra vào ngày 02/10/2022. Các bị cáo tỏ thái độ ăn năn hối cải và đã xin lỗi bị hại tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho các bị cáo. Ngoài ra anh H2 còn khai nhận đã nhận bồi thường về trách nhiệm dân sự của gia đình bị cáo H số tiền 70.000.000 đồng và của gia đình bị cáo B số tiền 16.670.000 đồng. Số tiền còn lại là 33.000.000 đồng yêu cầu hai bị cáo chưa bồi thường là bị cáo D và bị cáo A bồi thường cho anh H2.

- Các bị cáo Trương Quốc H, Trần Thanh D, Phạm Vi A và Nguyễn Lê Quốc B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì, tỏ thái độ ăn năn hối cải, nhận nhận trách nhiệm của bản thân, hối hận việc đã gây ra và nói lời sau cùng xin lỗi bị hại và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T (nay là Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ thu thập được, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 20 giờ ngày 02/10/2022, tại địa chỉ số G V, khu phố P, phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh, do bức tức việc anh Nguyễn Đình H3 (anh ruột của anh Nguyễn Đức H2) nhắc nhở trong lúc đang nhậu nên Trương Quốc H đã gọi điện nhờ Trần Thanh D đến đánh trả thù nhóm của anh H3, D đồng ý. Sau đó, D gọi điện rủ Nguyễn Lê Quốc B và nói B đi đến nhà Phạm Vi A lấy dao, B đồng ý. B đến nhà Vi A lấy dao và nói cho Vi A biết sự việc nên Vi A đồng ý đi theo nhóm của D để hỗ trợ H. Sau khi chuẩn bị xong 02 con dao Quốc Bảo và Vi A đi đến gặp D và H tại quán C, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi gặp nhau, B đưa cho H 01 con dao, còn 01 con dao còn lại B giữ lấy. D điều khiển xe mô tô chở H, Vi A điều khiển xe mô tô chở B, tất cả cùng đi đến dãy nhà trọ địa chỉ số G V, khu phố P, phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đi đến nơi, D dừng xe, H tay phải cầm dao xông vào chém nhóm người đang ngồi trước ghế đá của dãy trọ. Lúc này, Vi A cũng dừng xe cạnh xe của D để B xuống xe, B cầm dao xông vào nhóm người để đuổi chém. Khi gặp anh H2, H cầm dao tay phải chém 02 nhát vào tay và hông lưng trái gây thương tích cho anh Nguyễn Đức H2 với tỷ lệ 33%. Sau khi chém anh H2, H làm rơi con dao xuống đất thì có 01 người đàn ông trong nhà trọ giữ lấy con dao nên B, Vi A và D giằng co giật lấy con dao từ tay người đàn ông rồi tất cả cùng nhau tẩu thoát.

Hành vi của các bị cáo Trương Quốc H, Trần Thanh D, Phạm Vi A và Nguyễn Lê Quốc B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017.

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của con người, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và an toàn công cộng tại địa phương. Chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ phát sinh

trong sinh hoạt, cuộc sống hàng ngày tại nơi ở trọ mà các bị cáo có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm để gây ra thương tích cho bị hại. Xét vai trò của các bị cáo là đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, trong đó bị cáo H là người cầm đầu, rủ rê, gợi ý và trực tiếp gây thương tích cho bị hại, các bị cáo còn lại là đồng phạm giúp sức tích cực vì đã cung cấp hung khí, dùng phương tiện chở đi gây án cũng như tham gia tích cực vào việc phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với hình phạt nghiêm khắc, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của các bị cáo trong vụ án mới có đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo H và B đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại đã bãi nại cho bị cáo H và B nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, tại phiên tòa bị hại đã xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bản thân bị cáo B đã được Chủ tịch Ủy ban nhân phường L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) và Chủ tịch Ủy ban nhân Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) tặng giấy khen do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác phòng, chống dịch C - 19 và công tác nhập ngũ. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về tổng hợp Bản án theo quy định của pháp luật: Trong vụ án này đối với bị cáo Trần Thanh D đã bị Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Bản án số 1111/2026/HS-ST ngày 03/8/2026. Bản án trên sẽ được tổng hợp hình phạt của nhiều bản án theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017. Tuy nhiên do Bản án số 1111/2026/HS-ST ngày 03/8/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh chưa có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử chưa tổng hợp hình phạt là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình của bị cáo Trương Quốc H đã bồi thường cho anh Nguyễn Đức H2 số tiền 70.000.000 đồng. Gia đình bị cáo Nguyễn Lê Quốc B bồi thường cho anh H2 số tiền 16.670.000 đồng. Tại phiên tòa, anh H2 yêu cầu bị cáo Trần Thanh D, Phạm Vi A bồi thường số tiền 33.000.000 đồng, bị cáo D, bị cáo Vi A đồng ý bồi thường số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bị cáo Trần Thanh D, Phạm Vi A bồi thường cho anh H2 số tiền 33.000.000 đồng, chia phần cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường 16.500.000 đồng.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trương Quốc H, Trần Thanh D, Phạm Vi A và Nguyễn Lê Quốc B phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2 Áp dụng điểm c Khoản 3 Điều 134; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Quốc H 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/3/2025.

3 Áp dụng điểm c Khoản 3 Điều 134; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Quốc B 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/5/2026.

4 Áp dụng điểm c Khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Trần Thanh D 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2025.

- Xử phạt bị cáo Phạm Vi A 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/5/2026.

5. Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Các Điều 584; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Thanh D và bị cáo Phạm Vi A có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Đức H2 số tiền 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng, chia phần cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường 16.500.000 (mười sáu triệu năm trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trương Quốc H, Trần Thanh D, Phạm Vi A và Nguyễn Lê Quốc B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ

thẩm.

Bị cáo Trần Thanh D và bị cáo Phạm Vi A mỗi bị cáo phải nộp 825.000 (tám trăm hai mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Các bị cáo Trương Quốc H, Trần Thanh D, Phạm Vi A, Nguyễn Lê Quốc B, bị hại anh Nguyễn Đức H2 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV2 - TP . HCM;
- Cơ quan CSĐT Công an TP . HCM;
- Phân trại tạm giam Cát Lái -
Trại tạm giam Bồ Lá - Công an TP . HCM;
- Cơ quan THA.HS Công an TP. HCM;
- THADS TP . HCM;
- Sở Tư pháp TP . HCM;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Lưu